

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004
về sắp xếp, đổi mới và phát
triển nông trường quốc doanh.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11
năm 2003;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước
ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc sắp xếp, đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và chính sách đối với các nông trường quốc doanh.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: các nông trường quốc doanh, các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước (trong Nghị định này gọi chung là nông trường quốc doanh) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích chính là sản xuất nông nghiệp.

Điều 2. Mục tiêu sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh

1. Sử dụng bền vững và có hiệu quả đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của nông trường quốc doanh.

2. Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các nông trường quốc doanh; hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

3. Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

Điều 3. Nguyên tắc sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh.

1. Sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh phải gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

2. Sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh phải bảo đảm phân biệt rõ nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và nhiệm vụ công ích.

a) Những nông trường làm nhiệm vụ kinh doanh là chính thì chuyển hẳn sang sản xuất, kinh doanh và hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường.

b) Nông trường chuyển sang kinh doanh nhưng phải đảm nhận một phần chức năng xã hội và an ninh, quốc phòng thì Nhà nước có chính sách hỗ trợ thích hợp.

c) Nông trường được giao nhiệm vụ công ích là chính thì hoạt động theo quy định tại Điều 19 Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

SẮP XẾP NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH

Điều 4. Chuyển đổi các nông trường quốc doanh

1. Những nông trường làm nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chuyên canh cây lâu năm có kết cấu hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, kinh doanh có lãi hoặc bù đắp được chi phí thì tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả trên cơ sở đầu tư thâm canh diện tích vườn cây đã trồng gắn với đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở chế biến hiện có hoặc xây dựng cơ sở chế biến mới theo hướng huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nông trường tham gia góp cổ phần; chỉ mở rộng diện tích trồng mới khi có dự án thực sự hiệu quả. Diện tích đất chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả thì chính quyền địa phương thu hồi để sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Nông trường làm nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh cây hàng năm và chăn nuôi đã khoán ổn định, lâu dài cho người lao động; tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và nông sản hàng hóa cho xuất khẩu; kinh doanh có lãi hoặc bù đắp được chi phí thì tiếp tục củng cố, tổ chức lại sản xuất, làm đầu mối cung cấp

giống cây trồng, vật nuôi, xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, phát triển chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân trong vùng.

3. Các nông trường sản xuất cây hàng năm và chăn nuôi không có cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thực hiện khoán trắng đất đai cho công nhân thì chỉ giữ lại một phần diện tích để sản xuất, kinh doanh giống, xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng, phần diện tích đất đai còn lại chính quyền địa phương thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai để giao hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê sử dụng theo mục đích khác có hiệu quả hơn.

4. Giải thể các nông trường quản lý yếu kém, làm ăn thua lỗ liên tục ba năm liền hoặc thu nhập hiện tại của nông trường chủ yếu dựa vào nguồn thu từ việc cho thuê đất.

5. Tiếp tục giữ lại hoặc thành lập mới những nông trường ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và có yêu cầu phục vụ định canh, định cư, an ninh - quốc phòng. Nông trường chỉ quản lý một phần diện tích đất phù hợp để sản xuất giống, xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật và xây dựng cơ sở chế biến để phục vụ đồng bào trong vùng; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng.

Điều 5. Cơ chế hoạt động của nông trường quốc doanh

1. Các nông trường quốc doanh 100%

vốn nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, khi chuyển thành công ty cổ phần thì hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với nông trường quốc doanh thực hiện nhiệm vụ hoạt động công ích: sản phẩm, dịch vụ của nông trường được nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hoặc đấu thầu theo giá hoặc phí do Nhà nước quy định.

3. Nông trường quốc doanh sản xuất - kinh doanh nhưng còn phải đảm nhận một phần chức năng xã hội và an ninh, quốc phòng tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng chiến lược quốc phòng, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Nhà nước có chính sách thích hợp do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Chương III

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Điều 6. Về đất đai

1. Nông trường quốc doanh tự rà soát, kê khai việc sử dụng đất và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất và cơ quan cấp trên là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng công ty nhà nước theo nội dung hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng công ty nhà nước chỉ đạo các nông trường quốc doanh xây

dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất chi tiết của nông trường đang quản lý sử dụng trên địa bàn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được phê duyệt, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh và kết quả rà soát lại quỹ đất của nông trường quốc doanh.

Nội dung quy hoạch sử dụng đất chi tiết phải xác định rõ diện tích từng loại đất được giữ lại sử dụng, phương án sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, diện tích đất bàn giao cho địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết của nông trường quốc doanh trên địa bàn.

4. Căn cứ vào đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường của địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành việc giao đất, cho thuê đất đối với nông trường quốc doanh.

5. Hình thức giao đất, cho thuê đất:

a) Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho nông trường quốc doanh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

b) Nhà nước cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với nông trường làm nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

6. Đối với diện tích đất đã thực hiện khoán đến hộ công nhân và người lao động nếu thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích thì hộ nhận khoán được tiếp tục sử dụng đất đai theo hợp đồng đã ký kết và có điều chỉnh, bổ sung phù hợp trách nhiệm quản lý đất đai của nông trường. Những diện tích đất khoán trắng cho người nhận khoán (thực chất là cho thuê đất), thì phải làm thủ tục thu hồi đất và chuyển sang hình thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Đối với diện tích đất của nông trường bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo giải quyết dứt điểm từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện việc xác định cụ thể ranh giới, mốc giới sử dụng đất, đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông trường quốc doanh sử dụng đất.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu hồi diện tích nông trường không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, sử dụng không có hiệu quả; diện tích đất đã cho thuê, đã chuyển nhượng, đã cho mượn; diện tích đất đã bán vườn cây; diện tích đất của nông trường phải giải thể; diện tích đất phải điều chỉnh do thu hẹp nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

Các nông trường quốc doanh phải bàn

giao toàn bộ hồ sơ về quỹ đất bị thu hồi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất.

10. Diện tích đất đã thu hồi được giao hoặc cho thuê theo quy định sau:

a) Ưu tiên giao đất cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường có đất bị thu hồi nay không còn làm việc trong nông trường đó hoặc do nông trường giải thể để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, làm muối, nuôi trồng thủy sản.

b) Ưu tiên giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân đang sinh sống tại địa phương mà không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất.

Thời hạn giao đất, hạn mức giao đất nông nghiệp cho các đối tượng quy định tại điểm a, b Khoản này thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

c) Diện tích đất nông trường quốc doanh đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân được giao đất hoặc thuê đất. Hạn mức giao đất được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày giao khoán.

d) Tiếp tục cho thuê đất đối với diện tích đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang thuê đất. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày thuê.

đ) Diện tích đất mà nông trường đã liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác thì giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất đối với đối

tác đã liên doanh, liên kết. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày hợp đồng ký kết.

e) Diện tích đất nông nghiệp có vườn cây đã bán hoặc đất làm chuồng trại chăn nuôi có đàn gia súc đã bán thì cho thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã mua vườn cây hoặc đã mua đàn gia súc. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày mua vườn cây hoặc chuồng trại, đàn gia súc.

g) Diện tích đất còn lại sau khi đã giao, cho thuê đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e của Khoản này thì được giao, cho thuê cho đối tượng khác phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được xét duyệt.

h) Tổ chức hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại Điều này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã hoàn thành thủ tục về giao đất, cho thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Đất ở thì bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất quản lý; trường hợp người sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Về vốn, tài sản và tài chính

1. Các nông trường quốc doanh có trách nhiệm kiểm kê, phân loại, xác định các loại vốn, tài sản, công nợ hiện có; lập báo cáo tài chính đến thời điểm sắp xếp, đổi mới.

2. Những nông trường quốc doanh thực hiện sắp xếp lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt được xem xét, giải quyết các tồn đọng về tài chính, tài sản, công nợ như đối với doanh nghiệp nhà nước.

3. Nông trường quốc doanh tiến hành bàn giao các tài sản gồm: đường giao thông, công trình thủy lợi, trường học, trạm xá do các nông trường đầu tư xây dựng, hiện đang quản lý và sử dụng để phục vụ nhu cầu chung trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các đơn vị được ủy quyền quản lý, sử dụng; bàn giao hệ thống điện do nông trường quản lý, sử dụng cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam quản lý. Các tài sản trên được bàn giao nguyên trạng cả về tài sản và vốn theo số liệu thể hiện trên sổ sách kế toán tại thời điểm bàn giao. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2004.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về cơ chế tài chính khi bàn giao giữa các nông trường và các bên liên quan.

5. Nông trường được để lại tiền thanh lý vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc, tiền trích khấu hao cơ bản, để đầu tư cho thâm canh, trồng lại vườn cây, mua sắm thiết bị, đổi mới công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Đối với các nông trường tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng chiến lược quốc phòng, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bố trí kế hoạch đầu tư, duy tu bảo dưỡng, sửa

chữa cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội bằng ngân sách nhà nước.

7. Cổ phần hóa các nhà máy, cơ sở chế biến, theo quy định hiện hành của pháp luật về cổ phần hóa. Tiến hành thí điểm cổ phần hóa vườn cây gắn với cơ sở chế biến của nông trường. Thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho người sản xuất nguyên liệu.

Điều 8. Chính sách lao động.

1. Nông trường quốc doanh tiến hành rà soát lại số cán bộ, nhân viên và lao động hiện có đến thời điểm sắp xếp, đổi mới; xây dựng phương án bố trí cán bộ, công nhân viên, lao động của nông trường theo hướng sử dụng phù hợp với năng lực, sở trường của người lao động, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với người lao động trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại sản xuất của nông trường quốc doanh không bố trí được việc làm, được giải quyết chế độ theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 và Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

3. Đối với người lao động được giao khoán đất của nông trường quốc doanh nếu thực hiện chấm dứt quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động thì không thực hiện theo chế độ quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 và Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ mà được giải quyết

chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 42 của Bộ Luật Lao động.

4. Đối với cán bộ là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có) thuộc diện dôi dư do sắp xếp lại tổ chức được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Nguồn chi trả từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp lao động dôi dư theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 và Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ.

5. Cán bộ, công nhân nhận giao đất khoán sản xuất, vườn cây, gia súc đến tuổi nghỉ hưu được tiếp tục thực hiện hợp đồng khoán cho đến hết thời hạn ghi trong hợp đồng. Khi hết thời hạn hợp đồng khoán, nếu có nhu cầu thì được ưu tiên nhận khoán tiếp.

6. Cán bộ, công nhân nông trường nhận khoán đất, khoán vườn cây, đàn gia súc của nông trường, hưởng lương theo thu nhập từ kết quả sản xuất qua nhận khoán đất, vườn cây, đàn gia súc thì phải thực hiện đầy đủ các chế độ quy định về hợp đồng lao động; các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động được xác định trong chi phí sản xuất và được thể hiện trong hợp đồng khoán.

7. Người lao động nhận khoán nếu vẫn

hưởng lương theo cấp bậc, chức vụ thì công việc khoán phải được thể hiện trong nội dung của hợp đồng lao động theo quy định hiện hành. Tiền công của người lao động được tính vào kết quả khoán thì phải được nêu rõ hình thức trả lương trong hợp đồng lao động.

8. Lao động đang làm việc ở các cơ sở của nông trường khi bàn giao cho địa phương quản lý theo khoản 3 Điều 7 của Nghị định này, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, sắp xếp, giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành.

Điều 9. Về khoa học, công nghệ

1. Các nông trường quốc doanh thực hiện đẩy mạnh triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

2. Thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết giữa nông trường quốc doanh với các Viện, Trường, Trung tâm, cơ sở nghiên cứu khoa học của Trung ương, vùng, địa phương trong việc bảo vệ nguồn gen, chọn lọc, lai tạo và sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có sức cạnh tranh lớn trên thị trường.

3. Nông trường phải trở thành trung tâm chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, cung cấp dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, thông tin thị trường cho công nhân trong nông trường và nông dân trong vùng; Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn kinh phí khuyến nông hàng năm của Bộ, địa phương để thực hiện những nhiệm vụ này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn việc rà soát, quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai trong các nông trường quốc doanh.

3. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tài chính, các chính sách, chế độ liên quan và nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các Đề án sắp xếp, đổi mới nông trường quốc doanh của các địa phương và các Tổng công ty trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Các Bộ: Quốc phòng, Công an thẩm định đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, Tổng công ty thuộc Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Ban Đổi mới, sắp xếp và Phát triển

05332162
 Tel: +84-8-3845 6684 * www.TuuVienPhapLuat.com
 LawSoft

doanh nghiệp của các Bộ, địa phương thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh của Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

1. Xây dựng Đề án về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xong trước tháng 6 năm 2005 và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

2. Trên cơ sở kết quả rà soát, điều chỉnh lại đất đai, xác định ranh giới và ra quyết định giao đất hoặc cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông trường.

3. Chỉ đạo các ngành chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra các nông trường quốc doanh xây dựng quy hoạch sử dụng đất, phương án đổi mới, sắp xếp nông trường.

Điều 12. Trách nhiệm của các Tổng công ty nhà nước

1. Xây dựng đề án sắp xếp lại nông trường quốc doanh hiện có trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đối với Tổng công ty 91); trình Bộ xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đối với Tổng công ty 90) trước tháng 6 năm 2005. Đề án sắp xếp lại nông trường quốc doanh của các Tổng công ty phải có sự thỏa thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với Tổng công ty thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương rà soát lại quỹ đất đang quản lý, sử dụng và xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của nông trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

3. Chỉ đạo các nông trường thực hiện việc sắp xếp, đổi mới và phát triển theo phương án được phê duyệt.

Điều 13. Trách nhiệm của nông trường quốc doanh

1. Thực hiện việc rà soát lại quỹ đất đang quản lý, sử dụng và xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của nông trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2. Lập báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh qua các năm, tình hình lỗ, lãi, tình hình lao động, tài sản, vật tư, tiền vốn, công tác quản lý của nông trường; phương án sản xuất, kinh doanh, phương án đổi mới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Triển khai thực hiện phương án sắp xếp đổi mới nông trường sau khi được phê duyệt.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 165/2004/QĐ-TTg ngày 21/9/2004 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia giai đoạn 2004 - 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 65/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ ban hành hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia giai đoạn 2004 - 2010 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu của quy hoạch

Phát triển chuẩn đo lường quốc gia của nước ta từ nay đến năm 2010 theo hướng hiện đại, đạt trình độ tiên tiến của thế giới, phù hợp với xu thế và tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ nhằm đáp ứng nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường, nhu cầu đo lường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Mục tiêu cụ thể của Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia bao gồm:

- Giai đoạn I (2004 - 2005): đầu tư hoàn thiện chuẩn của 10 đại lượng hiện có (04 đại lượng cơ bản, 06 đại lượng dẫn xuất); giai đoạn II (2006 - 2010): xây dựng mới chuẩn của 22 đại lượng (03 đại lượng cơ